TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ THUẬN THÀNH** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 15/8/2023
V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Quế;

Bà Vũ Thị Lan Anh.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Hoa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận Thành tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Thuận Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2023/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXX- ST ngày 06 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1969.

Nơi thường trú: Khu phố Thiện D, phường Ninh X, thị xã Thuận Thành,tỉnh Bắc Ninh. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Hoàng Như X, sinh năm 1970.

Nơi thường trú: Khu phố Thiện D, phường Ninh X, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Hoàng Như T, sinh năm 1994. HKTT: Khu phố Thiện D, phường Ninh X, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của các đương sự tại Toà án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Nguyễn Thị K kết hôn với ông Hoàng Như X ngày 30/01/1991, trước khi kết hôn ông, bà có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn bà K về chung sống cùng ông X được khoảng hơn 01 năm thì vợ chồng ra ở riêng.

Theo bà Nguyễn Thị K trình bày: Vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Đầu

năm 2021 bà đã có đơn xin ly hôn với ông X tuy nhiên sau đó do nghĩ đến con cái và được gia đình hai bên hòa giải nên bà đã rút đơn. Sau đó vợ chồng bà có quay về chung sống cùng nhau nhưng đến nay giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng nên bà đã đi khỏi nhà từ tháng 11/2022 và vợ chồng cũng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm giữa bà và ông X không còn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông X.

Về con chung: Bà và ông X có 02 con chung là Hoàng Thị T1, sinh ngày 10/11/1991 và Hoàng Như T, sinh ngày 31/01/1994. Hiện nay hai con chung của bà và ông X đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống bà và ông X có tài sản chung gồm:

+ 01 thửa đất có diện tích 287m^2 thuộc thửa đất số 14, tờ bản đồ số 10 tại thôn Thiện Dũ, xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh cùng tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 02 tầng, tầng 3 lợp mái tôn chống nóng. (Thửa đất được UBND huyện Thuận Thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/12/1997 mang tên hộ ông Hoàng Như X). Nguồn gốc thửa đất là của vợ chồng bà mua từ khoảng năm 1993. Năm 2007 thì vợ chồng bà làm nhà.

+ Ngoài ra còn có 01 số tài sản là đồ dùng sinh trong gia đình gồm: tivi, giường, kệ tivi, bàn ghế...

Khi vợ chồng ly hôn, bà đề nghị Tòa án chia đôi thửa đất và ngôi nhà trên đất. Bà và ông X đã thống nhất đề nghị Tòa án giao phần đất không có nhà ở cho bà, còn giao phần đất có nhà ở cho ông X. Đối với số tài sản khác trên đất cũng như số đồ dùng sinh hoạt trong gia đình thì bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết gì khác.

Bị đơn là ông Hoàng Như X trình bày:

Ông xác nhận lời trình bày của bà K về thời gian kết hôn và con chung là đúng. Vợ chồng chung sống hòa thuận được gần 30 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Từ năm 2022, bà K đã chuyển đi nơi khác sống. Nay ông cũng xác định ông và bà K không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa nên ông cũng đồng ý ly hôn với bà K.

*Về con chung***:** Ông và bà K có 02 con chung như bà K trình bày là đúng. Hiện nay hai con chung của ông và chị K đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*Về tài sản chung***:** Ông xác nhận ông và bà K có tài sản chung gồm:

+ Thửa đất số 14, tờ bản đồ số 10, diện tích 287m^2 và tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 02 tầng, tầng 3 lợp mái tôn chống nóng tại thôn Thiện Dũ, xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh Nguồn gốc thửa đất là của vợ chồng ông mua từ khoảng năm 1993- 1994 với giá 12 triệu. Năm 2007 thì vợ chồng ông làm nhà. Đối với số tiền

mua thửa đất là do trước đó ông bán thửa đất của bố mẹ ông cho ông được 4 triệu đồng, sau đó vợ chồng cùng thêm tiền để mua thửa đất này.

+ Ngoài ra còn có 01 số tài sản là đồ dùng sinh trong gia đình gồm: tivi, giường, kệ tivi, bàn ghế...

Khi vợ chồng ly hôn, ông cũng đồng ý với toàn bộ ý kiến của bà K về việc phân chia tài sản chung.

Bà K và ông X cũng xác nhận: Khoảng năm 1993, khi vợ chồng mua đất và năm 2007 khi vợ chồng xây nhà thì 02 con của bà vẫn còn nhỏ nên không có công sức gì đóng góp đối với thửa đất và ngôi nhà của vợ chồng ông, bà.

Về công nợ: Ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Anh Hoàng Như T trình bày: Anh là con trai của ông X và bà K và hiện nay anh đang sống cùng với bố anh tại nhà ngôi nhà 02 tầng trên thửa đất của bố mẹ anh. Tuy nhiên anh xác nhận thửa đất và ngôi nhà trên đất là tài sản của bố mẹ anh, anh không có công sức đóng góp gì đối với tài sản này vì vậy anh từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án. Nếu Tòa án đưa anh tham gia tố tụng trong vụ án thì anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Chị Hoàng Thị T1 trình bày: Chị là con gái của ông X và bà K. Chị xác nhận thửa đất và ngôi nhà trên đất là tài sản của bố mẹ chị, chị không có công sức đóng góp gì đối với tài sản này nên chị không có yêu cầu gì và chị từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án. Nếu Tòa án đưa chị tham gia tố tụng trong vụ án thì chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định và định giá tài sản tranh chấp theo quy định của pháp luật. Tại Biên bản định giá tài sản ngày 11/5/2023, Hội đồng định giá đã quyết định:

+ Thửa đất số 14, tờ bản đồ số 10, diện tích 287m^2 tại thôn Thiện Dũ, xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành (nay là khu phố Thiện Dũ, phường Ninh Xá, thị xã Thuận Thành), tỉnh Bắc Ninh giá 5.500.000đ/1m^2. Như vậy thửa đất có giá là: 287m^2 x 5.500.000đ/1m^2 = 1.587.500.000đồng.

+ Tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 02 tầng có diện tích 59,5m^2/1 tầng, tầng 3 lợp tôn chống nóng, có đơn giá xây dựng là 4.411.000 đồng/1m^2, xây dựng năm 2007, giá trị sử dụng còn lại là 60%. Như vậy giá trị ngôi nhà là: 4.411.000 đồng/1m^2 x 59,5m^2 x 02 tầng x 60% = 314.945.400 đồng.

+ Công trình phụ lợp tôn có diện tích 08m^2, xây dựng năm 2007, có đơn giá xây dựng là 2.243.000 đồng/1m^2, giá trị sử dụng là 20 năm, giá trị sử dụng là còn lại là 20%. Giá trị công trình phụ là: 08m^2 x 2.243.000 đồng/1m^2 x 20% = 3.588.800 đồng.

+ 01 sân gạch nát lá nem phía trước nhà làm năm 2017 có diện tích 109,2m^2, có đơn giá 205.000đ/ 1m^2, giá trị sử dụng là 08 năm, giá trị sử dụng là còn lại là 25%. Như vậy giá trị sân là: 109m^2 x 205.000đồng/1m^2 x 25% = 5.596.000đồng.

Tại phiên tòa hôm nay:

+ Bà Nguyễn Thị K vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Hoàng Như X và đề nghị Tòa án chia đôi thửa đất và giao cho bà phần đất có không có nhà, giao cho ông X phần đất có nhà và trích trả bà giá trị ½ ngôi nhà bằng tiền.

+ Ông Hoàng Như X đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị K và cũng đồng ý với ý kiến của bà K về vấn đề chia tài sản. Tuy nhiên ông không đồng ý chịu tiền án phí và tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản.

+ Kiểm sát viên phát biểu và kết luận về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và việc chấp hành pháp luật của các đương sự là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147, 157, 165, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 213 Bộ luật dân sự; Điều 33, 51, 53, 54, 55, 59 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị K và ông Hoàng Như X.

Về con chung: Không đặt ra xem xét giải quyết do hai con chung của bà Nguyễn Thị K và ông Hoàng Như X đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Xác nhận bà Nguyễn Thị K và ông Hoàng Như X có tài sản chung là thửa đất số 14, tờ bản đồ số 10, diện tích 287m^2 cùng tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 02 tầng, tầng 3 lợp mái tôn chống nóng; 01 công trình phụ; 01 dãy lán lợp tôn; 01 sân gạch nát lá nem tại thôn Thiện Dũ, xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành (nay là khu phố Thiện Dũ, phường Ninh Xá, thị xã ThuậnThành), tỉnh Bắc Ninh.

+ Giao cho ông Hoàng Như X được sử dụng một phần thửa đất có diện tích 148,1m^2, trên phần diện tích đất này có 01 ngôi nhà 02 tầng, tầng 3 lợp mái tôn chống nóng; công trình phụ; 01 phần dãy lán lợp tôn nhưng phải có nghĩa vụ trích trả bà K số tiền 157.472.500 đồng.

+ Giao cho bà Nguyễn Thị K được sử dụng một phần thửa đất có diện tích 139,5m^2, trên phần diện tích đất này có 01 phần của dãy lán lợp tôn; sân gạch và được nhận số tiền 157.472.500 đồng do ông X trích trả.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật

Về công nợ: Không đặt ra xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

Bà K, ông Xâmphải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản và tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi nghe ý kiến đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị K kết hôn với ông Hoàng Như X ngày 30/01/2019, trước khi kết hôn ông, bà có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Xét thấy đây là hôn nhân hợp pháp vì tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về kết hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị K, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà K và ông X là có thật và nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên đánh cãi nhau. Từ năm 2022, bà K và ông X đã sống ly thân và không quan tâm gì đến nhau nữa. Phía ông X cũng xác định tình cảm giữa ông và bà K không còn nên ông cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy: Mâu thuẫn giữa bà K và ông X đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, các đương sự đều thoả thuận ly hôn do vậy căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà K và ông X.

[2] Về con chung: Bà K và ông X có 02 con chung là Hoàng Thị T1, sinh ngày 10/11/1991 và Hoàng Như T, sinh ngày 31/01/1994. Hiện nay hai con chung đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung:

Bà Nguyễn Thị K và ông Hoàng Như X đều xác nhận vợ chồng có tài sản chung là thửa đất số 14, tờ bản đồ số 10, diện tích 287m^2 thuộc tại thôn Thiện Dũ, xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành (nay là khu phố Thiện Dũ, phường Ninh Xá, thị xã ThuậnThành), tỉnh Bắc Ninh. Thửa đất được UBND huyện Thuận Thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/12/1997 mang tên hộ ông Hoàng Như X. cùng tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 02 tầng, tầng 3 lợp mái tôn chống nóng; 01 công trình phụ; 01 dãy lán lợp tôn; 01 sân gạch nát lá nem có tổng giá trị là 1.911.630.200 đồng (bao gồm: giá trị thửa đất là 1.587.500.000 đồng; giá trị ngôi nhà 314.945.000 đồng; giá trị công trình phụ lợp tôn là 3.588.800 đồng; giá trị phần gạch nát lá nem trước nhà là 5.596.000đồng).

Khi ly hôn, bà K và ông X đều thống nhất đề nghị Tòa án chia đôi thửa đất và giao cho ông X phần đất có nhà, giao cho bà K phần đất không có nhà và bà K đề nghị ông X phải trích trả bà K giá trị 1/2 ngôi nhà bằng tiền. Đối với những công trình khác do giá trị sử dụng nhỏ nên bà K đề nghị các công trình này trên phần đất của ai thì người đó được sử dụng. Phía ông X không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của các đương sự là phù hợp và có căn cứ. Tuy nhiên cần xem xét đến công sức cũng như để việc sử dụng thửa đất của các đương sự ổn định, phù hợp với thực tế nên cần căn cứ vào kết quả xem xét thẩm định hiện trạng để chia cho ông X phần đất có diện tích lớn hơn bà K. Cụ thể:

Giao cho ông X được sử dụng phần đất có diện tích 148,1m^2 cùng tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 02 tầng, tầng 3 lợp mái tôn chống nóng; 01 công trình phụ; 01 phần lán lợp tôn. Nhưng ông X phải có nghĩa vụ phải trích trả bà K giá trị ½ ngôi nhà tương ứng với số tiền là 157.472.500 đồng.

Giao cho bà K được sử dụng phần đất có diện tích 139,5m^2 cùng tài sản trên đất là 01 phần lán lợp tôn, sân gạch và được nhận số tiền 157.472.500 đồng do ông X trích trả.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật

Đối với số tài sản là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình do phía các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Theo Bản đồ địa chính và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa đất số 14 của hộ ông X có diện tích là 287m^2. Theo kết quả đo đạc hiện trạng thì diện tích thực tế của thửa đất là 291,7m^2. Tuy nhiên phía các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết đối với phần diện tích thừa nêu trên do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét mà chỉ giải quyết theo Bản đồ địa chính và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà hộ ông X được cấp.

[5] Đối với chị Hoàng Thị T1 và anh Hoàng Như T (là 02 con chung của bà K, ông X) đều xác nhận: Thửa đất và ngôi nhà trên đất là tài sản của bố mẹ các anh chị, các anh chị không có công sức đóng góp gì đối với tài sản này.

Ngoài ra anh T cũng xác nhận hiện nay anh vẫn đang chung sống cùng bố anh nhưng anh không có đóng góp gì đối với toàn bộ tài sản của bố mẹ anh nên anh không có yêu cầu gì do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với chị T1 cũng không có yêu cầu gì đối với toàn bộ tài sản của bố mẹ chị và chị từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy không cần phải đưa chị T1 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[6] Về công nợ: Các đương sự đều không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Giá trị tài sản bà K được nhận là: 139,5m^2 đất x 5.500.000đ/1m^2 = 767.250.000 đồng; phần sân gạch nát lá nem 5.596.000 đồng và số tiền 157.472.500 đồng do ông X trích trả. Tổng giá trị tài sản bà K được nhận tương ứng với số tiền 930.318.500 đồng vì vậy bà K phải chịu 39.909.500 đồng (đã làm tròn số) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Giá trị tài sản ông X được nhận là: 148,1m^2 đất x 5.500.000đ/1m^2 = 814.550.000 đồng; phần giá trị công trình phụ lợp tôn là 3.588.800 đồng và ½ giá trị ngôi nhà tương ứng với số tiền 157.472.500 đồng. Tổng giá trị tài sản ông X được nhận tương ứng với số tiền 975.611.300 đồng vì vậy ông X phải chịu 41.268.000 đồng (đã làm tròn số) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Số tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản là 10.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị K, ông Hoàng Như X mỗi người phải chịu 5.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147, 157, 165, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cức Điều 33, 51, 53, 54, 55, 59 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cức Điều 213 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị K và ông Hoàng Như X.

2. Về con chung: Không đặt ra xem xét giải quyết do hai con chung của bà Nguyễn Thị K và ông Hoàng Như X là Hoàng Thị T1, sinh ngày 10/11/1991 và Hoàng Như T, sinh ngày 31/01/1994 đều đã trưởng thành.

3.Về tài sản chung: Xác nhận bà Nguyễn Thị K và ông Hoàng Như X có tài sản chung là thửa đất số 14, tờ bản đồ số 10, diện tích 287m^2 tại thôn Thiện Dũ, xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành (nay là khu phố Thiện Dũ, phường Ninh Xá, thị xã ThuậnThành), tỉnh Bắc Ninh. (Thửa đất được UBND huyện Thuận Thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/12/1997 mang tên hộ ông Hoàng Như X) cùng tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 02 tầng, tầng 3 lợp mái tôn chống nóng; 01 công trình phụ; 01 dãy lán lợp tôn; 01 sân gạch nát lá nem.

Giao cho ông Hoàng Như X được sử dụng phần đất có diện tích 148,1m^2 thuộc thửa đất số 14, tờ bản đồ số 10, diện tích 287m^2 tại thôn Thiện Dũ, xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành (nay là khu phố Thiện Dũ, phường Ninh Xá, thị xã ThuậnTthành), tỉnh Bắc Ninh. Phần đất có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp thửa đất của gia đình ông Dần (điểm 11-1 dài 10,53m; điểm 1-2 dài 9,83m); Phía Nam giáp phần đất chia cho bà K (điểm 10 -5 dài 20,69 m); Phía Đông giáp đường bê tông (điểm 2-3 dài 4,37m; điểm 3-4 dài 0,47m; điểm 4-5 dài 3,27m); Phía Tây giáp thửa đất của gia đình bà Thuấn (điểm 11- 10 dài 7,02m). Cùng tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 02 tầng, tầng 3 lợp mái tôn chống nóng; 01 công trình phụ; 01 phần lán lợp tôn. Ông X có nghĩa vụ phải trích trả bà K số tiền là 157.472.500 đồng.

Giao cho bà Nguyễn Thị K được sử dụng phần đất có diện tích 139,5m^2 thuộc thửa đất số 14, tờ bản đồ số 10, diện tích 287m^2 tại thôn Thiện Dũ, xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành (nay là khu phố Thiện Dũ, phường Ninh Xá, thị xã ThuậnTthành), tỉnh Bắc Ninh. Phần đất có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp phần đất của ông X được chia (điểm 10 -5 dài 20,69 m); Phía Nam giáp thửa đất của gia đình ông Quỳnh (điểm 7-8 dài 12,06m; điểm 8-9 dài 7,99m); Phía Đông giáp đường bê tông (điểm 5- 6 dài 3,04m; điểm 6-7 dài 3,56m); Phía Tây giáp thửa đất của gia đình bà Thuấn (điểm 10- 9 dài 7,01m). Cùng tài sản trên đất là 01 phần lán lợp tôn, sân gạch và được nhận số tiền 157.472.500 đồng do ông X trích trả.

(Có Sơ đồ phân chia thửa đất kèm theo)

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 39.909.500 đồng (Ba mươi chín triệu chín trăm nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận bà K đã nộp 21.300.000 đồng tiền tạm ứng án dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số AA/2021/0005823 ngày 01/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Thành (nay là thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Ông Hoàng Như X phải chịu 41.268.000 đồng (Bốn mươi mốt triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản:

Bà Nguyễn Thị K, ông Hoàng Như X mỗi người phải chịu 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản.

Xác nhận bà Nguyễn Thị K đã nộp số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản tại Tòa án ngày 21/4/2023.

Ông Hoàng Như X phải hoàn trả bà Nguyễn Thị K 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản.

6. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bắc Ninh;*
- *VKSND tỉnh Bắc Ninh;*
- *VKSND thị xã Thuận Thành;*
- *THADS thị xã Thuận Thành;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thu